

**DANH SÁCH KẾT QUẢ XẾP LOẠI THI ĐUA THÁNG 11/2025**  
**KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**

| Stt      | Họ và tên             | Mã E-office | Đơn vị xếp loại thi đua | Kết quả xếp loại thi đua |                                                                                         |
|----------|-----------------------|-------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                       |             |                         | Xếp loại                 | Ghi chú                                                                                 |
| <b>a</b> | <b>Viên chức</b>      |             |                         | <b>31</b>                |                                                                                         |
| 1        | Huỳnh Ngọc Mai        | 01014004    | A3                      | A2                       | TTHĐ thống nhất xếp loại A2. Cá nhân tích cực trong công tác chung của trường và đơn vị |
| 2        | Phạm Minh Nghĩa       | 01023003    | A2                      | A2                       |                                                                                         |
| 3        | Tạ Minh Cường         | 01014002    | A1                      | A1                       |                                                                                         |
| 4        | Trần Nguyên Bảo Trân  | 01014038    | A3                      | A2                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị                                                           |
| 5        | Huỳnh Duy An          | 01014051    | A1                      | A1                       |                                                                                         |
| 6        | Ngô Hoàng Anh         | 01014005    | A4                      | A4                       |                                                                                         |
| 7        | Trần Nam Anh          | 01014046    | A1                      | A1                       |                                                                                         |
| 8        | Vũ Hạnh Chiêu         | 01014026    | A3                      | A3                       |                                                                                         |
| 9        | Ngô Phong Cường       | 01014029    | A3                      | A3                       |                                                                                         |
| 10       | Nguyễn Minh Đức Cường | 01014033    | A1                      | A1                       |                                                                                         |
| 11       | Nguyễn Hồng Đức       | 01014013    | A4                      | A4                       |                                                                                         |
| 12       | Nguyễn Minh Đức       | 01014017    | A4                      | A4                       |                                                                                         |
| 13       | Nguyễn Thị Ngọc Hiền  | 01014034    | A4                      | A4                       |                                                                                         |
| 14       | Trần Trung Hiếu       | 01014020    | A4                      | A4                       |                                                                                         |
| 15       | Mạnh Lê Hoàn          | 01014018    | A4                      | A4                       |                                                                                         |
| 16       | Phan Thanh Hoàng      | 01014042    | A3                      | A3                       |                                                                                         |
| 17       | Lê Thế Huân           | 01014019    | A4                      | A4                       |                                                                                         |
| 18       | Tăng Cẩm Huê          | 01014010    | A3                      | A3                       |                                                                                         |
| 19       | Nguyễn Thùy Linh      | 01014030    | A3                      | A3                       |                                                                                         |
| 20       | Đặng Đức Minh         | 01014024    | A3                      | A3                       |                                                                                         |
| 21       | Trần Giang Nam        | 01014048    | A1                      | A1                       |                                                                                         |
| 22       | Nguyễn Thị Tố Nga     | 01014022    | A4                      | A4                       |                                                                                         |

| Stt | Họ và tên              | Mã E-office | Đơn vị xếp loại thi đua | Kết quả xếp loại thi đua |                             |
|-----|------------------------|-------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------|
|     |                        |             |                         | Xếp loại                 | Ghi chú                     |
| 23  | Nguyễn Trần Thanh Nhân | 01014025    | A4                      | A4                       |                             |
| 24  | Đỗ Huỳnh Thanh Phong   | 01014032    | A3                      | A3                       |                             |
| 25  | Nguyễn Anh Tăng        | 01014006    | A4                      | A4                       |                             |
| 26  | Nguyễn Khương Thành    | 01014052    | A3                      | A3                       |                             |
| 27  | Trần Công Tiến         | 01014009    | A3                      | A3                       |                             |
| 28  | Cao Văn Tuấn           | 01014045    | A3                      | A3                       |                             |
| 29  | Trần Hiếu Trinh        | 01014021    | A3                      | A3                       |                             |
| 30  | Nguyễn Văn Yên         | 01014016    | A3                      | A3                       |                             |
| 31  | Lâm Viết Dũng          | 01007009    | E                       | E                        | KL Khiển trách từ 10/4/2025 |

|                         |           |
|-------------------------|-----------|
| <b>Tổng số CB-GV-NV</b> | <b>31</b> |
| <b>Xếp loại A1:</b>     | <b>5</b>  |
| <b>Xếp loại A2:</b>     | <b>3</b>  |
| <b>Xếp loại A3:</b>     | <b>12</b> |
| <b>Xếp loại A4:</b>     | <b>10</b> |
| <b>Xếp loại E:</b>      | <b>1</b>  |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2025  
**TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC - HC**

**THƯ KÝ**



**Trần Thị Ánh Phương**



**Nguyễn Thành Nam**